

Phụ lục I
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	11.5			
1.1	Thực hiện kế hoạch Cải cách hành chính	2			
	<i>Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và hoàn thành 100% kế hoạch</i>	2			
	<i>Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch</i>	1			
	<i>Xây dựng kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian và hoàn thành dưới 90% kế hoạch</i>	0			
1.2	Thực hiện Báo cáo cải cách hành chính định kỳ	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời gian theo quy định</i>	1			
	<i>Thiếu 01 báo cáo hoặc có 01 báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc có 01 báo cáo chưa gửi đúng thời gian quy định</i>	0.5			
	<i>Thiếu 02 báo cáo trở lên hoặc có 02 báo cáo không đầy đủ nội dung, không gửi đúng thời gian quy định</i>	0			
1.3	Tuyên truyền công tác cải cách hành chính (đủ 4 hình thức tuyên truyền)	2			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
1.3.1	<i>Thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính thông qua các hình thức: tọa đàm về cải cách hành chính; tổ chức các hội nghị, sinh hoạt chuyên đề về cải cách hành chính; biên soạn tờ rơi.v.v.:</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
1.3.2	Đăng thông tin lên báo/đài truyền thanh, truyền hình	0.5			
1.3.3	Xây dựng clip tuyên truyền về cải cách hành chính được đăng lên đài truyền thanh, truyền hình hoặc Cổng/Trang thông tin điện tử	0.5			
1.3.4	Cung cấp tin, bài đăng tải trên trang thông tin cải cách hành chính tỉnh (từ 5 tin bài trở lên)	0.5			
1.4	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính (được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận)¹	2			
	Có 03 sáng kiến/ giải pháp mới	2			
	Có 02 sáng kiến/ giải pháp mới	1			
	Không có sáng kiến/giải pháp mới	0			
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ, công việc được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (Thông kê qua phần mềm theo dõi, giám sát nhiệm vụ của UBND tỉnh)	2			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*2 + (c/a)*1.5$. Trong đó: - a là tổng nhiệm vụ được giao. - b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ. - c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.				
1.6	Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	2.5			
1.6.1	Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kết quả cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên Phần mềm Tiếp công dân, quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo của tỉnh	1			

¹ Mỗi đơn vị lựa chọn và kê khai tối đa 5 sáng kiến cấp cơ sở để trình Hội đồng đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính tỉnh xem xét.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Tất cả báo cáo quý đảm bảo đầy đủ nội dung, gửi đúng thời gian quy định và cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu vào Phần mềm</i>	1			
	<i>Có 01 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định hoặc cập nhật thiếu, không đúng (01 hồ sơ) đối với số liệu trong báo cáo so với số liệu tại cơ sở dữ liệu trên Phần mềm</i>	0.5			
	<i>Có 02 báo cáo trở lên gửi không đúng thời gian quy định hoặc cập nhật thiếu, không đúng (02 hồ sơ trở lên) đối với số liệu trong báo cáo so với số liệu tại cơ sở dữ liệu trên Phần mềm</i>	0			
1.6.2	Kết quả thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực của Chủ tịch UBND tỉnh	1.5			
	<i>Đơn vị không phát sinh đơn và Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	1.5			
	<i>Đơn vị đã thực hiện 100% Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	1			
	<i>Đơn vị đang triển khai thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	0.5			
	<i>Chưa thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	0			
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	8			
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	2			
2.1.1	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>100% văn bản QPPL được xây dựng đúng quy trình</i>	1			
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản QPPL được xây dựng đúng quy trình</i>	0.5			
	<i>Dưới 80% văn bản QPPL được xây dựng đúng quy trình</i>	0			
2.1.2	Tham mưu xây dựng và trình văn bản QPPL đúng thời gian quy định	1			
	<i>Tham mưu ban hành kịp thời, đúng thời gian quy định</i>	1			
	<i>Có tham mưu nhưng không kịp thời</i>	0.5			
	<i>Chưa tham mưu</i>	0			
2.2	Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3.5			
2.2.1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0.5			
	<i>Ban hành Kế hoạch đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu tại Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh</i>	0.5			
	<i>Ban hành Kế hoạch không đảm bảo về thời gian; chất lượng theo yêu cầu hoặc không ban hành</i>	0			
	<i>* Đối với Văn phòng UBND tỉnh: phối hợp Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ nội dung và đảm bảo thời gian theo quy định.</i>				
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Đã xử lý xong số văn bản cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế văn bản QPPL sau rà soát hoặc trường hợp qua kiểm tra rà soát không có văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL thì được chấm điểm tối đa</i>	1			
	<i>Chưa xử lý xong số văn bản cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế văn bản QPPL sau rà soát</i>	0			
2.2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị (nếu có)	1			
	<i>Đơn vị không có văn bản trái pháp luật được kiến nghị xử lý</i>	1			
	<i>Tổ chức thực hiện kịp thời văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị</i>	0.5			
	<i>Không tổ chức thực hiện hoặc không tham mưu xử lý kịp thời văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị</i>	0			
2.2.4	Lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình HĐND tỉnh thông qua hết hiệu lực trong năm	1			
	<i>Đầy đủ và đúng thời hạn</i>	1			
	<i>Không đầy đủ hoặc quá hạn</i>	0			
2.3	Theo dõi thi hành pháp luật	2.5			
2.3.1	Xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	0.5			
	<i>Ban hành Kế hoạch đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu tại Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND tỉnh</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Ban hành Kế hoạch không đảm bảo về thời gian, chất lượng theo yêu cầu hoặc không ban hành</i>	0			
*	Đối với Văn phòng UBND tỉnh				
	<i>Phối hợp với Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo thời gian theo quy định.</i>	0.5			
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	0.5			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch</i>	0			
2.3.3	Xử lý kết quả qua theo dõi thi hành pháp luật	1			
	<i>Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản xử lý/kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền</i>	1			
	<i>Ban hành không đầy đủ hoặc không kịp thời các văn bản xử lý/kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật</i>	0			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13			
3.1	Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính	2			
3.1.1	Thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC	0.5			
	<i>Ban hành và hoàn thành 100% kế hoạch đề ra</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Ban hành chậm so với quy định hoặc hoàn thành dưới 100% kế hoạch đề ra</i>	0			
*	Đối với Văn phòng UBND tỉnh				
	<i>Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm của tỉnh và hoàn thành 100% kế hoạch đề ra</i>	0.5			
3.1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	0.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ về chất lượng, số lượng và thời hạn theo quy định</i>	0.5			
	<i>Không thực hiện đầy đủ, đúng quy định</i>	0			
*	Đối với Văn phòng UBND tỉnh				
	<i>Tổng hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động kiểm soát TTHC và trình UBND tỉnh ban hành các Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC trong năm đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định</i>	0.5			
3.1.3	Có các kiến nghị, đề xuất cải cách TTHC; kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC trong năm đánh giá	1			
	<i>Có kiến nghị, đề xuất</i>	1			
	<i>Không có kiến nghị, đề xuất</i>	0			
3.2	Công bố, công khai danh mục TTHC theo quy định	3			
3.2.1	Thực hiện công bố TTHC thuộc lĩnh vực quản lý kịp thời, đầy đủ ²	1			

² Trường hợp cơ quan, đơn vị trong năm không phải trình công bố TTHC theo quy định thì sẽ được giảm trừ ở tiêu chí này.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định và công khai đầy đủ trên cơ sở dữ liệu quốc gia</i>	1			
	<i>Không chính xác, không đầy đủ hoặc chưa kịp thời theo quy định</i>	0			
3.2.2	Thực hiện phối hợp cập nhật Bộ Thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo thời gian quy định (<i>trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi ký Quyết định ban hành</i>) ³	1			
	<i>Đúng thời hạn quy định</i>	1			
	<i>Không đúng thời hạn quy định</i>	0			
3.2.3	Kịp thời công khai nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã (nếu có) để triển khai thực hiện	0.5			
3.2.4	100% TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ tiếp cận trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Cổng dịch vụ công của tỉnh; Cổng thông tin điện tử của Tỉnh và Trang thông tin điện tử thành phần của đơn vị.	0.5			
3.3	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính và TTHC	1			
3.3.1	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ⁴	0.5			
	<i>Xử lý phản ánh, kiến nghị của công dân, tổ chức đối với quá trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền đảm bảo 100% phản ánh, kiến nghị được giải quyết theo đúng quy định.</i>	0.5			
	<i>Xử lý phản ánh, kiến nghị của công dân, tổ chức đối với quá trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền đạt dưới 100%.</i>	0			

³ Trường hợp cơ quan, đơn vị không phát sinh TTHC cập nhật lên Cổng dịch vụ công quốc gia thì được giảm trừ tiêu chí này.

⁴ Cơ quan, đơn vị không phát sinh phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thì đạt điểm tối đa tiêu chí này.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
3.3.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	0.5			
	<i>100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý, trả lời được công khai theo quy định</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý, trả lời theo quy định quy định</i>	<i>0</i>			
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông⁵	6			
3.4.1	Tỉ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị ⁶	1			
	<i>Đạt 100% số lượng TTHC</i>	<i>1</i>			
	<i>Từ 90% - dưới 100% số lượng TTHC</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Dưới 90% số lượng TTHC</i>	<i>0</i>			
3.4.2	Cập nhật thông tin hồ sơ giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử ⁷	2			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
3.4.2.1	Thực hiện việc:"tiếp nhận hồ sơ đầu vào số hóa" mới đảm bảo đúng quy định theo Quyết định số 468/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	1			
3.4.2.2	Cập nhật tiến trình, kết quả giải quyết TTHC số hóa vào phần mềm một cửa điện tử	1			

⁵ Các cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ không thực hiện nhiệm vụ thì được giảm trừ tiêu chí này.

⁶ Không tính các TTHC quy định không thực hiện theo cơ chế một cửa (nếu có) và các lĩnh vực tiếp nhận trên các hệ thống của Bộ chuyên ngành như: Đăng ký kinh doanh, Lý lịch tư pháp...

⁷ Đối với Thanh tra tình đánh giá dựa trên kết quả giải quyết, tham mưu giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
3.4.3	Tiến độ, kết quả giải quyết TTHC	3			
	<i>Đánh giá theo Quyết định 892/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, như sau:</i>				
	- Xếp loại xuất sắc	3			
	- Xếp loại Tốt	2			
	- Xếp loại Khá	1			
	- Xếp loại Trung bình	0.5			
	- Xếp loại Yếu	0			
3.5	Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn	1			
	<i>Đơn vị không có phát sinh hồ sơ trễ hạn</i>	1			
	<i>Thực hiện thư xin lỗi đối với 100% hồ sơ TTHC trễ hạn theo đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Thực hiện thư xin lỗi dưới 100% hồ sơ TTHC trễ hạn</i>	0			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	8			
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh về tổ chức bộ máy	3			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
4.1.1	Thực hiện rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của cơ quan khi có văn bản của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ chuyên ngành, chỉ đạo của Tỉnh	1			
	<i>Kịp thời, đúng quy định</i>	<i>1</i>			
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định</i>	<i>0</i>			
4.1.2	Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban, chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp	1			
	<i>Kịp thời, đúng quy định</i>	<i>1</i>			
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định</i>	<i>0</i>			
4.1.3	Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành	1			
	<i>Đạt 100% phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó</i>	<i>1</i>			
	<i>Dưới 100% phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó</i>	<i>0</i>			
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2			
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1			
	<i>Sử dụng đúng quy định, không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao</i>	<i>1</i>			
	<i>Sử dụng không đúng quy định, vượt quá số người được giao</i>	<i>0</i>			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành (nếu có) ⁸	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao</i>	1			
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao</i>	0			
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý, ủy quyền trong quản lý nhà nước	3			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam và Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam	1			
	<i>Tham mưu UBND tỉnh các văn bản, quy định cụ thể về nội dung phân cấp, ủy quyền</i>	1			
	<i>Chưa tham mưu thực hiện</i>	0			
4.3.2	Việc tổ chức thanh tra, kiểm tra các nội dung, lĩnh vực thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đã được phân cấp, ủy quyền cho địa phương	1			
	<i>Trong năm có tổ chức kiểm tra chuyên đề đối với các nội dung đã được phân cấp ủy quyền thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong năm đánh giá hoặc các năm trước</i>	1			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1			

⁸ Sở, ngành không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc thì được giảm trừ tiêu chí này.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0			
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	9.5			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2			
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về VTVL của cơ quan, đơn vị trực thuộc trong phạm vi quản lý của đơn vị (sau khi Bộ, ngành ban hành Danh mục VTVL)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian quy định</i>	1			
	<i>Chưa thực hiện đầy đủ, không đảm bảo thời gian quy định</i>	0			
5.1.2	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn thuộc sở, ngành bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.5			
	<i>Đạt 100% số cơ quan, tổ chức</i>	0.5			
	<i>Dưới 100% số cơ quan, tổ chức</i>	0			
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt ⁹	0.5			
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	0.5			
	<i>Dưới 100% số đơn vị</i>	0			

⁹ Sở, ngành không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc thì được giảm trừ tiêu chí này.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
5.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo tại các phòng, ban trực thuộc	1.5			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
5.2.1	100% lãnh đạo các phòng chuyên môn và tương đương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.	0.5			
5.2.2	100% lãnh đạo tại các tổ chức bên trong các ban, chi cục và đơn vị sự nghiệp trực thuộc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng điều kiện, tiêu chuẩn đúng quy định.	0.5			
5.2.3	100% lãnh đạo các phòng chuyên môn và tương đương; các tổ chức bên trong các ban, chi cục và đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện bổ nhiệm lại đúng thời gian quy định	0.5			
5.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương	1.5			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
5.3.1	Trong năm không có công chức, viên chức lãnh đạo cấp sở và tương đương bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu)	0.5			
5.3.2	Trong năm không có lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu)	0.5			
5.3.3	Trong năm không có công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu)	0.5			
5.4	Thực hiện cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (kể cả đơn vị trực thuộc)	1			
	<i>100% hồ sơ công chức, viên chức, người lao động được cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin và xác thực trên Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức</i>	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ được cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin và xác thực trên Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức</i>	0.5			
	<i>Dưới 90% hồ sơ được cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin và xác thực trên Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức</i>	0			
5.5	Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức	1.5			
5.5.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	0.5			
	<i>Ban hành kế hoạch đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Không ban hành Kế hoạch</i>	0			
5.5.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
	<i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch</i>	0.5			
	<i>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch</i>	0			
5.6	Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành của tỉnh	1			
5.6.1	Triển khai thực hiện đánh giá công chức, viên chức hàng tháng theo quy định của tỉnh	0.5			
	<i>Triển khai thực hiện đầy đủ theo đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Chưa triển khai thực hiện</i>	0			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
5.6.2	Triển khai thực hiện đánh giá công chức, viên chức hàng năm theo quy định của tỉnh	0.5			
	<i>Triển khai thực hiện đầy đủ theo đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Chưa triển khai thực hiện</i>	0			
5.7	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1			
5.7.1	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm	0.5			
	<i>Xây dựng kế hoạch đúng quy định, kịp thời</i>	0.5			
	<i>Xây dựng kế hoạch không đúng quy định hoặc không kịp thời</i>	0			
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	0.5			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	0.5			
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch</i>	0			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7			
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	2			
6.1.1	Lập dự toán ngân sách hằng năm	0.5			
	<i>Lập và gửi dự toán cho cơ quan tài chính cùng cấp đảm bảo thời gian, đầy đủ và đúng biểu mẫu theo quy định</i>	0.5			
	<i>Lập, gửi dự toán cho cơ quan tài chính cùng cấp không đảm bảo thời gian, không đầy đủ và không đúng biểu mẫu theo quy định</i>	0			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
6.1.2	Thực hiện công khai ngân sách	0.5			
	<i>Thực hiện công khai ngân sách đầy đủ, đúng quy định</i>	0.5			
	<i>Thực hiện công khai ngân sách không đầy đủ, không đúng quy định</i>	0			
6.1.3	Tình hình chấp hành dự toán và quyết toán	1			
	<i>Thực hiện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đúng quy định, đầy đủ biểu mẫu và đúng thời gian quy định. (* Cơ quan không có đơn vị trực thuộc được điểm tối đa)</i>	0.5			
	<i>Lập và nộp Báo cáo quyết toán năm đúng quy định, đầy đủ biểu mẫu, thời gian theo quy định</i>	0.5			
	<i>* Trường hợp không thực hiện đúng các nội dung trên thì bị trừ điểm tương ứng</i>	0			
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1			
	<i>Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá</i>	1			
	<i>Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá</i>	0			
6.3	Thực hiện quy định về sử dụng tài sản công	2			
6.3.1	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	0.5			
	<i>Đã ban hành đầy đủ theo quy định (kể cả các đơn vị trực thuộc)</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Chưa ban hành</i>	0			
6.3.2	Thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	1			
	<i>Thực hiện đảm bảo các quy định về quản lý tài sản công</i>	1			
	<i>Đơn vị báo cáo không đầy đủ theo đề nghị của cơ quan thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.5			
	<i>Có sai phạm về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị được cơ quan thẩm quyền có văn bản kết luận</i>	0			
6.3.3	Cập nhật số liệu và báo cáo kết quả rà soát, chuẩn hóa tài sản công trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	0.5			
	<i>Thực hiện báo cáo theo quy định</i>	0.5			
	<i>Không thực hiện</i>	0			
6.4	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2			
	<i>Thực hiện kiến nghị đạt từ 80% đến 100% hoặc không có các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách</i>	2			
	<i>Thực hiện kiến nghị đạt từ 60% - dưới 80%</i>	1			
	<i>Thực hiện kiến nghị đạt từ dưới 60%</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	13			
7.1	Thực hiện số hóa, luân chuyển, xử lý văn bản đi/đến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	1			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
7.1.1	Tất cả văn bản đi/ đến được số hóa, luân chuyển, xử lý trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	0.5			
7.1.2	Tất cả văn bản đi/ đến được tham mưu, xét duyệt trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	0.5			
7.2	Sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử	1			
	<i>100% văn bản điện tử do cơ quan phát hành có đầy đủ chữ ký số cơ quan và chữ ký số của lãnh đạo cơ quan</i>	1			
	<i>Văn bản điện tử do cơ quan phát hành không có đầy đủ 02 chữ ký số (cơ quan và lãnh đạo)</i>	0			
7.3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo qua Hệ thống thông tin, báo cáo của tỉnh, Văn phòng Chính phủ	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ các loại báo cáo theo yêu cầu trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh</i>	1			
	<i>Thực hiện từ 80% -dưới 100% số báo cáo</i>	0.5			
	<i>Thực hiện dưới 80% số báo cáo</i>	0			
7.4	Thực hiện dịch vụ công trực tuyến ¹⁰	2			

¹⁰ Cơ quan, đơn vị không có dịch vụ công trực tuyến được giảm trừ tiêu chí này.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
7.4.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	1			
	<p><i>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</i></p> <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>a: là tổng số dịch vụ công đủ điều kiện lên trực trực tuyến toàn trình;</i> - <i>b là số lượng dịch vụ trực tuyến toàn trình.</i> <p><i>* Nếu $b/a < 0.9$ điểm đánh giá là 0</i></p>				
7.4.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1			
	<p><i>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</i></p> <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả toàn trình và một phần).</i> - <i>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình.</i> 				
7.5	Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với TTHC đủ điều kiện¹¹	3			
7.5.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến (Chỉ áp dụng đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và có đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tuyến)	1			
	<p><i>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</i></p> <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính.</i> - <i>b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến.</i> 				

- Đối với các Sở sử dụng DVCTT do Bộ chủ quản cung cấp thì cung cấp số liệu khi báo cáo kèm ảnh chụp màn hình số liệu thống kê từ phần mềm. Nếu không cung cấp hình ảnh chứng minh thì không tính điểm.

- Đối với các DVCTT trên Hệ thống CQĐT thì lấy số liệu từ phần mềm.

¹¹ Cơ quan, đơn vị không có dịch vụ công thực hiện thanh toán trực tuyến thì được giảm trừ tiêu chí này.

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Nếu $b/a < 0.9$ điểm đánh giá</i>	0			
7.5.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: - a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến; - b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</i>				
7.5.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến (Phạm vi thống kê là các hồ sơ đã giải quyết của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang triển khai cung cấp trực tuyến).	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: - a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá; - b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</i>				
7.6	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	3			
7.6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa đầu vào TTHC (tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa đầu vào TTHC = Tổng số hồ sơ TTHC số hóa đầu vào TTHC / Tổng số hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định thực hiện số hóa đầu vào * 100%.)	1			
	<i>Từ 80% đến 100% điểm đạt: 1</i>	1			
	<i>Từ 60% đến dưới 80% điểm đạt: 0.5</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Dưới 60%: 0</i>	<i>0</i>			
7.6.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	<i>1</i>			
	<i>Từ 80% đến 100% điểm đạt: 1</i>				
	<i>Từ 60% đến dưới 80% điểm đạt: 0.5</i>				
	<i>Dưới 60%: 0</i>				
7.6.3	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại sở, ban, ngành	<i>1</i>			
	<i>Từ 80% đến 100% điểm đạt: 1</i>	<i>1</i>			
	<i>Từ 60% đến dưới 80% điểm đạt: 0.5</i>	<i>0.5</i>			
	<i>Dưới 60%: 0</i>	<i>0</i>			
*	Đối với Văn phòng UBND tỉnh:	3			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
7.6.1	Tham mưu UBND tỉnh triển khai các văn bản của Trung ương về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	<i>1</i>			
7.6.2	Tham mưu ban hành quy định về tiếp nhận, giải quyết và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	<i>1</i>			
7.6.3	Hướng dẫn quy trình về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	<i>1</i>			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
7.7	Công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị cung cấp các thông tin theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ	1			
	<i>Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định</i>	1			
	<i>Nếu thiếu 01 mục thông tin theo quy định</i>	0.5			
	<i>Thiếu từ 02 mục thông tin trở lên theo quy định</i>	0			
7.8	Triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” năm 2023 (gọi tắt là Đề án 06/CP)	1			<i>Tổng điểm tiêu chí thành phần</i>
7.8.1	Thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao năm 2024 tại Kế hoạch số 1080/KH-UBND ngày 17/2/2024 và văn bản của năm tiếp theo.	0.5			
7.8.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đảm bảo thời gian quy định	0.5			
8	TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	30			
8.1	Tác động của cải cách đến công tác chỉ đạo, điều hành	3			
8.1.1	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của Lãnh đạo Sở.	1			
8.1.2	Đánh giá về tình hình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC của sở, ngành.	1			
8.1.3	Đánh giá về mức độ kịp thời, chủ động khi xử lý, giải quyết công việc của sở, ngành theo yêu cầu của HĐND, UBND tỉnh (như việc trả lời văn bản; thực hiện báo cáo; phối hợp giải quyết công việc...).	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
8.2	Tác động của cải cách đến việc tham mưu văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), cơ chế chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành	3			
8.2.1	Đánh giá về tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành.	0.75			
8.2.2	Đánh giá về tính hợp lý, khả thi của các văn bản QPPL do sở, ngành tham mưu UBND, HĐND tỉnh ban hành.	0.75			
8.2.3	Đánh giá về tính kịp thời trong tổ chức triển khai các văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành.	0.75			
8.2.4	Đánh giá về tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành.	0.75			
8.3	Tác động của cải cách đến chất lượng thủ tục hành chính	2			
8.3.1	Đánh giá về mức độ rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện của các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành	1			
8.3.2	Hiệu quả thực hiện việc phân cấp, ủy quyền giải quyết trong giải quyết TTHC của Sở	1			
8.4	Tác động của cải cách đến xây dựng tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	3			
8.4.1	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Chính phủ	0.75			
8.4.2	Đánh giá về tính hợp lý phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ với cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị (sở, ngành, phòng ban)	0.75			
8.4.3	Kết quả ban hành và thực hiện quy chế làm việc, các quy chế nội bộ của Sở, ngành	0.75			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
8.4.4	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện	0.75			
8.5	Tác động của cải cách trong việc cải cách chế độ công vụ	4			
8.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1			
8.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	0.75			
8.5.3	Tình trạng tiêu cực, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ để trục lợi	0.75			
8.5.4	Văn hóa giao tiếp, ứng xử của công chức đối với công chức làm việc ở các cơ quan cùng cấp/cấp dưới	0.75			
8.5.5	Công tác bổ nhiệm, luân chuyển, điều động và phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.75			
8.6	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3			
8.6.1	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1			
8.6.2	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan	1			
8.6.3	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
8.7	Tác động của cải cách đến việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử; chính quyền số	2			
8.7.1	Tính kịp thời và mức độ đầy đủ của các thông tin chuyên ngành được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	1			
8.7.2	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	1			
8.8	Điểm quy đổi từ kết quả điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)	5			
*	Đối với Văn phòng UBND tỉnh				
	Đánh giá thông qua tiêu chí công tác phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh	5			
*	Đối với Thanh tra tỉnh				
	Công tác thanh tra	5			
1.1	Tham mưu ban hành Kế hoạch thanh tra	1			
	<i>Đúng thời gian quy định và đảm bảo chất lượng</i>	1			
	<i>Không đạt yêu cầu</i>	0			
1.2	Tỷ lệ các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội được triển khai và kết thúc đúng thời hạn	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	0.5			

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch</i>	0			
1.3	Mức độ hoàn thành các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội	3			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	3			
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch</i>	2			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch</i>	0			
8.9	Điểm quy đổi từ kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ngành (DDCI)	5			
TỔNG ĐIỂM		100			